

Số: 476/2022/QĐST-DS

Quận 8, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thanh T; Địa chỉ: 216/20 đường N, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 216/20 đường N, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. *Bị đơn*:

1.2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976; Địa chỉ HKTT: 341/2A6 đường B, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 206/98 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1975; Địa chỉ HKTT: 109/10 đường N, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 206/98 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thế Đ, sinh năm: 1998; Địa chỉ: KP P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P; Địa chỉ liên lạc: 120/29/17A7 đường T, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T (Giấy ủy quyền số công chứng: 03349, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/4/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Ông Đoàn Anh Phương V - Luật sư của Văn phòng Luật sư Chung Vinh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1.3.1. Bà Lư Thị Ngọc V, sinh năm: 1957; Địa chỉ: 341/2A5 đường P, tổ dân phố H, KP- H, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.2. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1999; Địa chỉ HKTT: 109/10 đường N, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 206/98 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.3. Cháu Nguyễn Điền L, sinh năm: 2011; Địa chỉ: 206/98 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Có ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T; Là người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Điền L.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thế Đ, sinh năm: 1998; Địa chỉ: KP đường P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P; Địa chỉ liên lạc: 120/29/17A7 đường T, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của bà Lư Thị Ngọc V theo Giấy ủy quyền số công chứng: 11523, quyền số 09/2022 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 14/9/2022 và ông Nguyễn Hoàng H theo Giấy ủy quyền số công chứng: 11752, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2022.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở ghi ngày 13/10/2017 và Giấy bán nhà ghi ngày 14/10/2017 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T và bà Bùi Thanh T.

2.2. Bà Bùi Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T một số giấy tờ bản chính gồm: Tờ cho và chuyển quyền sử dụng đất ghi ngày 10/11/2007; Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 20/3/2012; Chứng nhận số nhà số 572/UBND-QLĐT-CNSN ngày 16/6/2016; Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 23/5/2016; Sơ yếu lý lịch ghi ngày 23/02/2016. Bản sao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T. Bản photo gồm: Hợp đồng mua bán đất ngày 20/12/2005 ký kết giữa bà Nguyễn Thị T và bà Huỳnh Thị Thu T; Hợp đồng mua bán đất ngày 25/10/2007 ký kết giữa bà Huỳnh Thị Thu T và bà Lư Thị Ngọc V; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 25/8/2014; Giấy cam kết chịu trách nhiệm quản lý điện kế.

2.3. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thanh T số tiền là 387.150.000 (Ba trăm tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng; Trong đó: Tiền vốn là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và tiền lãi là 87.150.000 (Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng. Phương thức thanh toán:

Đợt 1: Vào ngày 06/10/2022 trả số tiền là 193.575.000 (Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Đợt 2: Vào ngày 07/11/2022 trả số tiền là 193.575.000 (Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2.4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.357.500 (Mười chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm) đồng.

Bà Bùi Thanh T không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Bùi Thanh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0044845 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

2.5. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

